



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901010500	Đặng Hoàng Quý Anh	27/10/2003	NH9A	01		16	16	Anh	
2	000002	0901010897	Ngô Thị Lan Anh	27/12/2003	NH9A	01		10	28	Anh	
3	000003	0901070787	Đỗ Ngọc Ánh	07/04/2003	NH9A	01		18	26	Anh	
4	000004	0901010358	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/12/2003	NH9A	01		15	34	Anh	
5	000005	0901010347	Dương Gia Bảo	11/11/2003	NH9A	01		18	18	Bao	
6	000006	0901010423	Đỗ Linh Chi	31/10/2003	NH9A	01		05	30	Chi	
7	000007	0901010846	Dương Tuấn Đạt	08/08/2003	NH9A	01					HP,ĐK
8	000008	0901010123	Ngô Thành Đạt	18/11/2003	NH9A	01		16	22	Dat	
9	000009	0901010372	Ma Văn Đức	24/07/2003	NH9A	01		16	24	Deuc	
10	000010	0901010915	Tạ Thị Thùy Dung	21/12/2003	NH9A	01		12	32	Dung	
11	000011	0901010203	Trần Ngọc Dung	19/08/2003	NH9A	01		14	20	Dung	
12	000012	0901010312	Bùi Trung Dũng	19/12/2003	NH9A	01		20	33	Dung	
13	000013	0901020104	Nông Thái Dương	11/11/2003	NH9A	01		21	14	Duong	
14	000014	0901010127	Cao Lâm Duy	02/03/2000	NH9A	01		20	12	Duy	
15	000015	0901010493	Hoàng Thị Duyên	26/11/2003	NH9A	01		18	23	Duyen	
16	000016	0901010647	Lê Trường Giang	25/08/2002	NH9A	01		14	35	Giang	
17	000017	0901010390	Nguyễn Minh Hạnh	04/11/2003	NH9A	01		22	10	Hanh	
18	000018	0901010937	Khuong Minh Hiền	29/11/2003	NH9A	01		14	06	Hien	
19	000019	0901010351	Ngô Thị Thu Hiền	30/01/2003	NH9A	01		12	08	Hien	
20	000020	0901010882	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/08/2003	NH9A	01		17	04	Hien	
21	000021	0901010169	Nguyễn Đức Hiếu	09/07/2003	NH9A	01		18	25	Hieu	
22	000022	0901020748	Vũ Thị Hòa	05/04/2003	NH9A	01		10	12	Hoa	
23	000023	0901010903	Nguyễn Việt Hoàng	29/10/2003	NH9A	01		19	31	Hoang	
24	000024	0901010504	Phạm Lê Huy Hoàng	18/06/2003	NH9A	01		20	29	Hoang	
25	000025	0901010840	Nguyễn Thái Học	09/01/2003	NH9A	01					ĐK
26	000026	0901010725	Phạm Thị Thu Huế	05/01/2003	NH9A	01		18	21	Hue	
27	000027	0901010611	Bùi Quốc Huy	19/11/2003	NH9A	01		21	27	Huy	
28	000028	0901010147	Đoàn Thị Huyền	18/07/1998	NH9A	01		21	19	Huyen	
29	000029	0901010261	Nguyễn Năng Khoa	16/03/2003	NH9A	02		10	17	Khoa	
30	000030	0901010913	Trương Thi Lệ	06/11/2003	NH9A	02					HP,ĐK
31	000031	0901010314	Nguyễn Khánh Linh	06/12/2003	NH9A	02		14	15	Linh	
32	000032	0901010878	Đinh Hoàng Long	09/10/2003	NH9A	02		20	13	Long	

Tổng số sinh viên dự thi: 32.

Tổng số tờ giấy thi: 29.

Tổng số biên bản: 0.

Ngày 28. tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hoa

Đặng Thị Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000065	0901030428	Âu Duy	Minh	18/06/2003	NH9A	02		10	35	Minh	
2	000066	0901010134	Tổng Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	02		16	29	Minh	
3	000067	0901010047	Trần Phú	Minh	18/05/2003	NH9A	02		20	33	Minh	
4	000068	0901010833	Đỗ Thị	Ngọc	09/09/2003	NH9A	02		21	19	Ngọc	
5	000069	0901010909	Phạm Văn	Nhật	27/03/2003	NH9A	02		15	31	Nhật	
6	000070	0901010767	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	28/12/2003	NH9A	02		24	17	Nhi	
7	000071	0901010583	Nguyễn Thế	Phú	04/08/2003	NH9A	02		22	13	Phú	
8	000072	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH9A	02		12	23	Phúc	
9	000073	0901010515	Lê Minh	Quân	19/12/2003	NH9A	02		22	25	Quân	
10	000074	0901010640	Nguyễn Như	Quỳnh	20/10/2003	NH9A	02		19	15	Quỳnh	
11	000075	0901010227	Nguyễn Hồng	Son	01/09/2003	NH9A	02		21	05	Son	
12	000076	0901010398	Vũ Hồng	Son	01/07/2003	NH9A	02		19	06	Son	
13	000077	0901070972	Nguyễn Hồng	Thái	06/10/2003	NH9A	02		19	09	Thái	
14	000078	0901010149	Vũ Duy	Thái	11/08/2003	NH9A	02		20	11	Thái	
15	000079	0901010165	Ngô Phương	Thảo	30/12/2003	NH9A	02		20	21	Thảo	
16	000080	0901010264	Hoàng Đức	Thiên	08/01/1998	NH9A	02		13	07	Thiên	
17	000081	0901010653	Đỗ Thị Hoài	Thương	07/01/2003	NH9A	02		20	03	Thương	
18	000082	0901010188	Ngô Thùy	Trang	26/12/2003	NH9A	02		20	32	Trang	
19	000083	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH9A	02					ĐK
20	000084	0901030037	Nguyễn Thanh	Tuyền	12/08/2003	NH9A	02		13	13	Tuyền	
21	000085	0901010717	Quảng Văn	Ước	15/10/2003	NH9A	02		20	17	Ước	
22	000086	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	02		13	15	Vân	
23	000087	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	02		22	33	Việt	
24	000088	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH9A	02					ĐK
25	000089	0901010536	Bàn Thị	Vững	17/10/2003	NH9A	02	(12)	12	35	Vững	
26	000090	0901010802	Lý Thị	Xuân	22/02/2003	NH9A	02		18	23	Xuân	
27	000091	0901010406	Đào Minh	Anh	24/07/2003	TC9A	03		24	19	Anh	
28	000092	0901010533	Nguyễn Lan	Anh	01/06/2003	TC9A	03		23	34	Anh	
29	000093	0901010883	Phạm Thị Kim	Anh	06/01/2003	TC9A	03		22	25	Anh	
30	000094	0901010490	Trần Thị Mai	Anh	06/06/2003	TC9A	03		14	29	Anh	
31	000095	0901010409	Nguyễn Minh	Ánh	09/07/2003	TC9A	03		25	04	Ánh	
32	000096	0901010495	Vũ Viết	Bình	10/03/2003	TC9A	03		19	08	Bình	

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 28 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Mỹ Lan

Nguyễn Thị Thảo



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000129	0901010130	Nguyễn Quỳnh	Chi	28/08/2003	TC9A	03		20	33	Chi	
2	000130	0901010669	Đỗ Thị Thùy	Dung	26/08/2003	TC9A	03		17	35	Dung	
3	000131	0901030405	Đào Lâm	Dũng	15/02/2003	TC9A	03		18	29	Dũng	
4	000132	0901010365	Đỗ Văn	Duy	11/05/2003	TC9A	03		17	31	Duy	
5	000133	0901020399	Đàm Thu	Hà	16/09/2003	TC9A	03		22	21	Hà	
6	000134	0901010219	Vương Thị	Hằng	28/01/2003	TC9A	03		15	15	Hằng	
7	000135	0901010211	Bùi Ngọc	Hiếu	17/10/2003	TC9A	03		10	23	Hiếu	
8	000136	0901010988	Nguyễn Đức	Hiếu	28/05/2002	TC9A	03					HP,ĐK
9	000137	0901010544	Đặng Quỳnh	Hoa	08/10/2003	TC9A	03		20	01	Hoa	
10	000138	0901070404	Thân Mạnh	Hùng	17/06/2003	TC9A	03		12	17	Hùng	
11	000139	0901010777	Hà Vũ	Hung	13/01/2003	TC9A	03		18	27	Hung	
12	000140	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	03		21	19	Hương	
13	000141	0901010062	Nguyễn Trần Trung	Kiên	25/03/2003	TC9A	03		19	13	Kiên	
14	000142	0901010420	Lê Tùng	Lâm	14/10/2003	TC9A	03		23	11	Lâm	
15	000143	0901060039	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2003	TC9A	03		18	34	Linh	
16	000144	0901010008	Lâm Bích	Ngọc	30/04/2003	TC9A	03		16	05	Ngọc	
17	000145	0810330865	Phạm Đình	Kiệt	08/04/2002	QM8A	04					ĐK
18	000146	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	04		15	4	Mai	
19	000147	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	04		15	2	Minh	
20	000148	0901010506	Nguyễn Trà	My	25/12/2003	TC9A	04		18	06	My	
21	000149	0901010183	Nguyễn Thị Phương	Nga	30/10/2003	TC9A	04		17	07	Nga	
22	000150	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	04		18	32	Ngọc	
23	000151	0901010507	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/09/2003	TC9A	04		22	23	Nguyệt	
24	000152	0901010789	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/2003	TC9A	04		22	20	Phượng	
25	000153	0901010402	Phạm Hồng	Phượng	13/06/2003	TC9A	04		18	03	Phượng	
26	000154	0901030133	Vũ Ngọc Phi	Son	19/08/2003	TC9A	04		17	16	Son	
27	000155	0901010803	Phạm Thanh	Tâm	15/07/2003	TC9A	04		19	21	Tâm	
28	000156	0901010055	Lê Hoàng	Thái	25/07/2003	TC9A	04		19	12	Thái	
29	000157	0901010153	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2003	TC9A	04		19	08	Thảo	
30	000158	0901010278	Trần Phương	Thảo	24/09/2003	TC9A	04		18	28	Thảo	
31	000159	0901010745	Tòng Văn	Thuận	15/08/2003	TC9A	04		17	06	Thuận	

Tổng số sinh viên dự thi: 29..

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:0.

Ngày 28 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)

(Signature)
Ks Thi Tam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000192	0901010129	Ma	Trịnh Hương Trà	26/10/2003	TC9A	04		20,5	11	Tra	
2	000193	0901010546	Bùi	Thị Huyền Trang	21/05/2003	TC9A	04		22	35	Trang	
3	000194	0901010592	Nguyễn	Thị Thanh Trúc	08/02/2003	TC9A	04		20	32	Trúc	
4	000195	0901010121	Đinh	Ngọc Tùng	25/04/2003	TC9A	04	(bôn)	04,2	02	Tùng	
5	000196	0901010328	Ngô	Sinh Vượng	28/08/2003	TC9A	04		12	34	Vượng	
6	000197	0901010128	Vũ	Mai Vy	05/11/2003	TC9A	04		20	30	Vy	
7	000198	0901010498	Trần	Thị Hải Yến	09/10/2003	TC9A	04		13	22	Yến	
8	000199	0901010425	Phạm	Nguyễn Mai Anh	03/10/2003	TC9B	05		18	24	Maib	
9	000200	0901010302	Vũ	Ngọc Anh	04/01/2003	TC9B	05		18	28	Anh	
10	000201	0901010584	Nguyễn	Thị Linh Bình	26/10/2003	TC9B	05		18	26	Bình	
11	000202	0901020744	Nguyễn	Thị Kiều Diễm	02/03/2003	TC9B	05		16	04	Diem	
12	000203	0901010875	Đàm	Phương Dung	14/08/2003	TC9B	05		23	06	Dung	
13	000204	0901010413	Nguyễn	Thùy Dung	15/12/2003	TC9B	05		22	33	Dung	
14	000205	0901010158	Nguyễn	Hùng Dũng	09/11/2003	TC9B	05		12	20	Dũng	
15	000206	0901010678	Trần	Quý Dương	05/09/2003	TC9B	05		10	18	Dương	
16	000207	0901010868	Đàm	Hương Giang	29/03/2003	TC9B	05		22	16	giang	
17	000208	0901010246	Hoàng	Thái Hà	27/10/2003	TC9B	05		20	14	Hà	
18	000209	0901010686	Đào	Thị Thanh Hiền	07/10/2003	TC9B	05		25	09	Hiền	
19	000210	0901010237	Nguyễn	Huy Hiệu	15/09/2003	TC9B	05		20	18	Hiệu	
20	000211	0901010673	Đỗ	Thị Thu Hòa	24/05/2003	TC9B	05		22	05	hòa	
21	000212	0901010284	Dương	Thu Hương	12/08/2003	TC9B	05					Vũ
22	000213	0901010698	Nguyễn	Thu Hương	28/08/2003	TC9B	05		20	31	Hương	
23	000214	0901010950	Lê	Thúy Hường	11/08/2003	TC9B	05		20	29	Hường	
24	000215	0901010770	Nguyễn	Thị Thu Huyền	28/09/2003	TC9B	05		19	10	Huyền	
25	000216	0901040571	Vũ	Mai Lan	03/11/2003	TC9B	05		20	25	Lan	
26	000217	0901010465	Quách	Gia Lâm	23/11/2003	TC9B	05		25	23	Lâm	
27	000218	0901011000	Nguyễn	Thùy Linh	30/03/2003	TC9B	06		19	27	Linh	
28	000219	0901020148	Nguyễn	Đức Lương	04/08/2003	TC9B	06		19	21	Lương	
29	000220	0901010603	Đỗ	Thị Phương Nga	11/11/2003	TC9B	06		19	01	Nga	
30	000221	0901010267	Trần	Bích Ngọc	06/09/2003	TC9B	06		20	07	Ngọc	
31	000222	0901010784	Tạ	Thị Yến Nhi	04/12/2003	TC9B	06		20	19	Nhi	

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 2...

Ngày 28 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Vân

Nguyễn T. H. Chang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000255	0901010914	Nguyễn Hồng	Nhung	17/04/2003	TC9B	06		23	20	Nhung	
2	000256	0901010452	Vũ Thị Diễm	Quỳnh	25/10/2003	TC9B	06					HP,ĐK
3	000257	0901010700	Lương Thị Thanh	Tâm	08/08/2003	TC9B	06		24	26	Tâm	
4	000258	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	06		20	10	Thái	
5	000259	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	06		05	08	Thành	
6	000260	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	06		17	12	Thảo	
7	000261	0901020101	Nguyễn Phương	Thảo	13/09/2003	TC9B	06		22	22	Thảo	
8	000262	0901070408	Trịnh Anh	Thư	22/08/2003	TC9B	06		21	33	Thư	
9	000263	0901010605	Lê Hà	Thương	21/05/2003	TC9B	06		19	31	Thư	
10	000264	0901010706	Quách Thị	Tuyết	02/10/2003	TC9B	06		20	15	Tuyết	
11	000265	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	TC9B	06		23	34	Vân	
12	000266	0901020025	Bùi Minh	Anh	27/04/2003	QT9A	07		08	28	Anh	
13	000267	0901030941	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/2003	QT9A	07		23	30	Anh	
14	000268	0901030491	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	03/07/2003	QT9A	07		21	28	Anh	
15	000269	0901030064	Nguyễn Thanh	Bình	10/04/2003	QT9A	07		05	02	Bình	
16	000270	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	07		14	19	Đạt	
17	000271	0901020923	Đỗ Thị Thùy	Dương	31/10/2003	QT9A	07					HP,ĐK
18	000272	0901030185	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/08/2003	QT9A	07		22	24	Dương	
19	000273	0901030254	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	27/11/2002	QT9A	07		05	32	Duyên	
20	000274	0901030058	Phạm Thị Hồng	Hạnh	02/07/2003	QT9A	07		21	16	Hạnh	
21	000275	0901030362	Nguyễn Thị	Hiền	26/06/2003	QT9A	07		22	29	Hiền	
22	000276	0901030894	Vũ Đức	Hiếu	14/01/2003	QT9A	07					ĐK
23	000277	0901030715	Đào Quốc	Hiệu	01/10/2003	QT9A	07		07	13	Hiệu	
24	000278	0901030756	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QT9A	07					HP,ĐK
25	000279	0901030477	Nguyễn Duy	Hung	24/12/2003	QT9A	07		20	21	Hung	
26	000280	0901030631	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	27/04/2003	QT9A	07		23	15	Khiêm	
27	000281	0901030695	Phạm Trung	Kiên	08/08/2003	QT9A	07		18	25	Kiên	
28	000282	0901030154	Phạm Quốc	Lập	15/01/2003	QT9A	07		18	27	Lập	
29	000283	0901030435	Đỗ Thị Khánh	Linh	15/11/2003	QT9A	07		20	35	Linh	
30	000284	0901030753	Nguyễn Mai Thùy	Linh	17/11/2003	QT9A	07		12		Linh	
31	000285	0901030022	Phạm Thị Khánh	Ly	21/01/2003	QT9A	08		19	14	Ly	

Tổng số sinh viên dự thi: 28 - 1 = 27

Tổng số tờ giấy thi: 28 - 1 = 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 28 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Lê Thị Thanh

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000317	0901010113	Lưu Bá	Nghĩa	29/10/2003	QT9A	08		12	02	Nghĩa	
2	000318	0901030524	Lê Thị Hồng	Ngọc	02/10/2003	QT9A	08		21	32	Ngọc	
3	000319	0901030752	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	22/01/2003	QT9A	08		05	30	Nguyệt	
4	000320	0901030656	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/08/2003	QT9A	08		21	20	Nhung	
5	000321	0901030924	Dương Thị	Nhung	03/04/2003	QT9A	08		19	18	Nhung	
6	000322	0901020418	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/2003	QT9A	08		22	26	Nhung	
7	000323	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	08		12	34	Oanh	
8	000324	0901020652	Phạm Thị	Phương	05/07/2003	QT9A	08		20	02	Phương	
9	000325	0901030662	Đặng Anh	Quân	01/10/2003	QT9A	08		24	29	Quân	
10	000326	0901030266	Vũ Tuyết	Quỳnh	07/01/2003	QT9A	08		21	28	Quỳnh	
11	000327	0901030466	Trần Ngọc	Thắng	02/10/2003	QT9A	08		22	24	Thắng	
12	000328	0901030518	Đỗ Văn	Thanh	29/03/2003	QT9A	08		23	14	Thanh	
13	000329	0901030285	Trương Tuấn	Thành	18/12/2003	QT9A	08	\	\	\	\	ĐK
14	000330	0901030829	Dương Minh	Tiến	02/01/2003	QT9A	08		22	16	Tiến	
15	000331	0901030535	Hoàng Hương	Trang	10/11/2003	QT9A	08		08	12	Trang	
16	000332	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	08		08	10	Trang	
17	000333	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	08		12	04	Vy	
18	000334	0901030089	Đặng Thị Quỳnh	Anh	06/10/2003	QT9B	09		22	28	Anh	
19	000335	0901010849	Phùng Thị Phương	Anh	03/09/2003	QT9B	09		05	31	Anh	
20	000336	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B	09		22	08	Anh	
21	000337	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	09		22	15	Cường	
22	000338	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	09		18	05	Đại	
23	000339	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	09		23	06	Diệp	
24	000340	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	09		23	19	Đức	
25	000341	0901030270	Đoàn Hữu	Dương	24/04/2003	QT9B	09		19	09	Dương	
26	000342	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	09		20	33	Hằng	
27	000343	0901030430	Hoàng Đình	Hào	07/05/2003	QT9B	09		15	17	Hào	
28	000344	0901030417	Nguyễn Thị	Hiền	28/03/2003	QT9B	09		23	25	Hiền	
29	000345	0901030712	Nguyễn Thúy	Hiền	16/03/2003	QT9B	09	\	\	\	\	HP,ĐK
30	000346	0901030132	Nguyễn Thị	Hoa	09/02/2003	QT9B	09		12	27	Hoa	
31	000347	0901030336	Nguyễn Huy	Hoàng	20/10/2003	QT9B	09		15	11	Hoàng	

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 28. tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phó Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000379	0901030895	Đỗ Thị	Huệ	23/01/2003	QT9B	09		20	59	Huệ	
2	000380	0901030530	Phan Trọng	Hùng	01/03/2003	QT9B	09		20	69	Hùng	
3	000381	0901030586	Nguyễn Duy	Hùng	27/01/2003	QT9B	09		10	68	Hùng	
4	000382	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	09		21	47	Hường	
5	000383	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	09		17	55	Huy	
6	000384	0901030665	Lê Thị	Huyền	10/01/2003	QT9B	09		21	61	Huyền	
7	000385	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	09		10	37	Kiệt	
8	000386	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	09		18	67	Lan	
9	000387	0901030131	Đỗ Thị	Linh	15/09/2003	QT9B	09		16	50	Linh	
10	000388	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	09		17	49	Linh	
11	000389	0901030067	Đỗ Thị Thùy	Linh	14/12/2003	QT9B	09		20	51	Linh	
12	000390	0901030247	Nguyễn Văn	Linh	17/08/2003	QT9B	09		10	64	Linh	
13	000391	0901030471	Đỗ Thị	Lương	15/11/2003	QT9B	09		15	48	Lương	
14	000392	0901030711	Trịnh Thị Như	Ý	03/08/2003	QT9B	09		21	39	Ý	
15	000393	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B	10		20	62	Mạnh	
16	000394	0901030681	Trịnh Kim	Ngân	12/09/2003	QT9B	10		23	53	Ngân	
17	000395	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	10		22	40	Bích	
18	000396	0901030579	Vũ Hoàng	Ngọc	27/12/2003	QT9B	10		23	52	Ngọc	
19	000397	0901030916	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/12/2003	QT9B	10		19	52	Nhung	
20	000398	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	10		20	57	Phương	
21	000399	0901030722	Trịnh Thị Thu	Phương	10/02/2003	QT9B	10		15	65	Phương	
22	000400	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	10		20	67	Quân	
23	000401	0901030028	Trần Minh	Quân	20/08/2003	QT9B	10		19	53	Quân	
24	000402	0901030323	Đỗ Đức	Tài	21/04/2003	QT9B	10		20	70	Tài	
25	000403	0901030961	Đỗ Ngọc	Thạch	22/04/1999	QT9B	10		23	57	Thạch	
26	000404	0901030385	Nguyễn Đức	Thành	12/01/2003	QT9B	10		19	58	Thành	
27	000405	0901030212	Trương Viết	Thành	13/09/2002	QT9B	10		15	60	Thành	
28	000406	0901030275	Bùi Thị Hương	Thơm	10/02/2003	QT9B	10		21	63	Thơm	
29	000407	0901030059	Trần Huy	Thuận	27/11/2003	QT9B	10		20	62	Thuận	
30	000408	0901020159	Dương Thị Thanh	Thùy	17/04/2003	QT9B	10					HP,ĐK
31	000409	0901030737	Ngô Phương Kiều	Trang	23/06/2003	QT9B	10		21	40	Trang	

Tổng số sinh viên dự thi: 30.

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 28 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)

(Signature)
1.5. Thái Thanh.



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000441	0901030085	Ngô Thu	Trang	09/12/2003	QT9B	10		14	51	Trang	
2	000442	0901030479	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/05/2003	QT9B	10		19	69	Trang	
3	000443	0901030666	Nguyễn Thu	Trang	26/10/2003	QT9B	10		23	67	Thu	
4	000444	0901070754	Phạm Thị Huyền	Trang	15/04/2003	QT9B	10		17	51	Huyền	
5	000445	0901030197	Lưu Quang	Trung	14/09/2001	QT9B	10					HP, ĐK
6	000446	0901030103	Quách Huy	Trường	01/01/2002	QT9B	10		22	79	Huy	Trường
7	000447	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	10		15	42	Anh	
8	000448	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	10		10	63	Việt	
9	000449	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B	10		10	61	Hải	
10	000450	0901020947	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/02/2003	QT9C	11		20	49	Anh	
11	000451	0901030416	Nguyễn Nguyệt	Ánh	03/08/2000	QT9C	11		20	45	Anh	
12	000452	0901030590	Nguyễn Bá	Đạt	09/07/2003	QT9C	11		05	65	Đạt	
13	000453	0901030881	Nguyễn Bình	Định	17/10/2003	QT9C	11					ĐK
14	000454	0901030013	Lê Ánh	Dương	04/06/2003	QT9C	11		21	57	Ánh	
15	000455	0901030200	Mai Thu	Giang	24/12/2003	QT9C	11		19	70	Thu	
16	000456	0901030823	Bùi Thị	Hào	15/08/2003	QT9C	11		19	39	Hào	
17	000457	0901030635	Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2003	QT9C	11		12	60	Hiền	
18	000458	0901030253	Phạm Khánh	Hòa	02/09/2003	QT9C	11		22	58	Hòa	
19	000459	0901030866	Bùi Minh	Hoàng	26/11/2003	QT9C	11		23	41	Minh	
20	000460	0901030843	Đỗ Quốc	Hội	18/04/2003	QT9C	11		05	59	Hội	
21	000461	0901030944	Nhữ Mạnh	Hùng	01/08/2003	QT9C	11		18	66	Mạnh	
22	000462	0901030522	Trần Minh	Hùng	26/11/2003	QT9C	11		24	68	Minh	
23	000463	0901030181	Lê Tuấn	Hưng	17/05/2003	QT9C	11		21	55	Tuấn	
24	000464	0901030280	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/2003	QT9C	11		18	37	Thu	
25	000465	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C	11		17	69	Văn	
26	000466	0901030018	Phạm Duy	Kiên	06/02/2003	QT9C	11		19	46	Duy	
27	000467	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	11		17	62	Quang	
28	000468	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	QT9C	11		21	56	Hải	
29	000469	0901070809	Lê Thành	Long	04/08/2003	QT9C	11		22	67	Thành	
30	000470	0901010032	Nguyễn Hiền	Lương	13/01/2003	QT9C	11		15	53	Hiền	
31	000471	0901030797	Vũ Bình	Minh	19/11/2003	QT9C	12		23	54	Bình	

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 28 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Hiền

Hoàng Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000503	0901030464	Hoàng Hồng	Ngọc	07/08/2003	QT9C	12		19	57		
2	000504	0901030629	Trần Thị Minh	Ngọc	10/08/2003	QT9C	12		08	63	Ngọc	
3	000505	0901030400	Vũ Văn	Ngọc	03/11/2003	QT9C	12					bỏ thi
4	000506	0901030377	Đỗ Thị	Nhân	08/12/2003	QT9C	12		05	39	Nhân	
5	000507	0901030973	Chu Diệu	Như	11/09/2003	QT9C	12		13	37	Như	
6	000508	0901030887	Ngô Thị Kim	Nhung	01/09/2003	QT9C	12		20	41	Nhung	
7	000509	0901030600	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/2003	QT9C	12		15	45	Phương	
8	000510	0901030217	Nguyễn Quế	Sinh	20/12/2003	QT9C	12		18	36	Sinh	
9	000511	0901030092	Đào Văn	Tâm	21/06/2002	QT9C	12		18	63	Đào	
10	000512	0901030286	Nguyễn Huy	Thành	04/12/2003	QT9C	12		18	43	Thành	
11	000513	0901030795	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2003	QT9C	12		10	62	Thảo	
12	000514	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	12		13	59	Thảo	
13	000515	0901030295	Phạm Bùi Minh	Thuận	25/02/2003	QT9C	12		14	69	Thuận	
14	000516	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	12		23	55	Trà	
15	000517	0901030208	Nguyễn Văn	Trang	24/04/2003	QT9C	12		13	57	Trang	
16	000518	0901030508	Trần Thanh Thanh	Trúc	22/12/2003	QT9C	12		23	66	Trúc	
17	000519	0901030781	Mai	Tùng	29/08/2003	QT9C	12		16	47	Mai	
18	000520	0901030009	Lại Đăng	Uyển	09/10/2003	QT9C	12		16	68	Uyển	
19	000521	0901030322	Đào Phương	Anh	17/02/2003	QM9A	13		06	61	Anh	
20	000522	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM9A	13					bỏ thi
21	000523	0901030048	Lê Hoàng	Anh	15/06/2003	QM9A	13		19	70	Anh	
22	000524	0901030871	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/09/2003	QM9A	13		09	51	Anh	
23	000525	0901030282	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/2003	QM9A	13		18	64	Anh	
24	000526	0901030896	Trần Ngọc	Anh	18/11/2003	QM9A	13		17	60	Anh	
25	000527	0901030098	Dương Việt	Bách	01/09/2003	QM9A	13		24	62	Bách	
26	000528	0901030436	Phạm Minh	Châu	28/11/2003	QM9A	13		18	53	Châu	
27	000529	0901030470	Nguyễn Thúy	Dung	03/12/2003	QM9A	13		22	56	Dung	
28	000530	0901030704	Nguyễn Thị	Dương	01/06/2003	QM9A	13		10	50	Dương	
29	000531	0901030475	Nguyễn Ngọc	Duyên	19/11/2003	QM9A	13		20	51	Duyên	
30	000532	0901030410	Lê Mạnh	Hào	15/09/2003	QM9A	13		19	52	Hào	
31	000533	0901030682	Đặng Văn	Hiệp	21/06/2003	QM9A	13		16	49	Hiệp	

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0..

Ngày 28 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Quản Thị Hoa

Trần T Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000565	0901030683	Đoàn Thị Kim	Huệ	17/05/2003	QM9A	13		22	44	Huệ	
2	000566	0901030765	Đinh Trọng	Khang	08/10/2003	QM9A	13		10	66	Khang	
3	000567	0901030220	Lê Thúy	Kiều	22/05/2003	QM9A	13		05	38	Kiều	
4	000568	0901030537	Nguyễn Hoài	Lam	09/06/2003	QM9A	13		18	61	Lam	
5	000569	0901040602	Trịnh Nguyễn Thanh	Lâm	28/07/2003	QM9A	13		22	63	Lâm	
6	000570	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	13		05	61	Linh	
7	000571	0901030702	Tạ Hương	Ly	07/07/2003	QM9A	14		20	69	Ly	
8	000572	0901030447	Nguyễn Đức	Mạnh	04/01/2003	QM9A	14		17	65	Mạnh	
9	000573	0901030054	Đậu Trà	Mi	17/11/2003	QM9A	14		13	70	Mi	
10	000574	0901030107	Nguyễn Thị Bích	Nga	14/09/2003	QM9A	14		10	68	Nga	
11	000575	0901030538	Bùi Thu	Ngọc	10/09/2003	QM9A	14		19	40	Ngọc	
12	000576	0901030888	Nguyễn Sinh	Ngọc	05/11/2003	QM9A	14		23	53	Ngọc	
13	000577	0901030259	Ngô Thị Hằng	Nhung	02/05/2003	QM9A	14		18	64	Nhung	
14	000578	0901030776	Phạm Phú	Quân	23/10/2003	QM9A	14		05	61	Quân	
15	000579	0901070041	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/11/2003	QM9A	14		10	36	Tâm	
16	000580	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	14		08	65	Thanh	
17	000581	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	14		08	59	Thảo	
18	000582	0901030901	Nguyễn Duy	Thông	10/02/2000	QM9A	14		23	50	Thông	
19	000583	0901030180	Nguyễn Thị Hồng	Thu	11/07/2003	QM9A	14		14	56	Thu	
20	000584	0901030854	Hoàng Thị	Trà	17/10/2003	QM9A	14		20	54	Trà	
21	000585	0901080857	Lương Thị Thu	Trang	17/05/2003	QM9A	14		12	42	Trang	
22	000586	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM9A	14		05	50	Trúc	
23	000587	0901030926	Chu Thành	Vinh	02/10/2002	QM9A	14		25	52	Vinh	
24	000588	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	14		07	48	Vy	
25	000589	0901030194	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/07/2003	QM9B	15		21	46	Quỳnh	
26	000590	0901030917	Phạm Nhật	Anh	08/09/2003	QM9B	15		23	43	Anh	
27	000591	0901030512	Trịnh Tú	Anh	30/10/2003	QM9B	15		10	49	Tú	
28	000592	0901030589	Bùi Thị Ngọc	Bích	26/09/2003	QM9B	15		14	47	Bích	
29	000593	0901030523	Đặng Xuân	Diệu	22/12/2003	QM9B	15		15	51	Diệu	
30	000594	0901030125	Nguyễn Việt	Đức	09/10/2001	QM9B	15					HP,ĐK
31	000595	0901030710	Lê Thuý	Dương	24/07/2003	QM9B	15		15	41	Dương	

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 30

Ngày 28 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)

(Signature)
Nguyễn Thị Văn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000627	0901030483	Nguyễn Đức	Duy	27/10/2003	QM9B	15		22	45	Duy	
2	000628	0901030786	Hoàng Trung	Hải	27/06/2003	QM9B	15		21	69	Hải	
3	000629	0901030675	Phạm Thu	Hiền	04/11/2003	QM9B	15		22	67	Hiền	
4	000630	0901030768	Nguyễn Đức	Hiệu	24/05/2003	QM9B	15		19	65	Hiệu	Hiệu
5	000631	0901030759	Nguyễn Thị	Huê	30/09/2003	QM9B	15		21	53	Huê	
6	000632	0901030660	Nguyễn Lan	Hương	08/01/2003	QM9B	15		19	68	Hương	
7	000633	0901030892	Trần Thị	Hường	10/04/2003	QM9B	15		22	65	Hường	
8	000634	0901030072	Nguyễn Tiến	Khôi	16/12/2003	QM9B	15		17	57	Khôi	
9	000635	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B	15		20	47	Kỳ	
10	000636	0901030651	Nguyễn Hoàng	Lan	23/12/2003	QM9B	15		23	55	Lan	
11	000637	0901030713	Lê Thị	Linh	19/04/2003	QM9B	15		20	51	Linh	
12	000638	0901030511	Đỗ Thị Quỳnh	Loan	14/10/2003	QM9B	15		24	49	Loan	
13	000639	0901030734	Nguyễn Thị Hương	Ly	03/11/2003	QM9B	16		19	69	Ly	
14	000640	0901030458	Đoàn Thị Xuân	Mai	09/11/2003	QM9B	16		23	59	Mai	
15	000641	0901030108	Phan Văn	Mạnh	27/05/2003	QM9B	16		19	70	Mạnh	
16	000642	0901030677	Nguyễn Thu	Nga	09/06/2003	QM9B	16		18	43	Nga	
17	000643	0901030957	Ứng Thị Quỳnh	Nga	28/09/2003	QM9B	16		23	33	Nga	
18	000644	0901030144	Vũ Thị Minh	Nguyệt	19/11/2003	QM9B	16		18	41	Nguyệt	
19	000645	0901030214	Nguyễn Thị	Oanh	10/01/2002	QM9B	16		20	68	Oanh	
20	000646	0901030296	Vũ Minh	Phúc	23/02/2003	QM9B	16		22	35	Phúc	
21	000647	0901030433	Lương Thị Diễm	Quỳnh	08/11/2003	QM9B	16		21	37	Quỳnh	
22	000648	0901030387	Nguyễn Văn	Sáng	14/11/2002	QM9B	16		18	51	Sáng	
23	000649	0901030697	Nguyễn Tiến	Thái	01/04/2002	QM9B	16		20	66	Thái	
24	000650	0901070614	Vương Thị	Thanh	21/12/2003	QM9B	16					HP,ĐK
25	000651	0901030350	Tổng Đức	Thành	18/10/2003	QM9B	16		23	64	Thành	
26	000652	0901020912	Nguyễn Phương	Thảo	12/01/2003	QM9B	16		23	63	Thảo	
27	000653	0901030920	Hoàng Thanh	Trà	14/12/2003	QM9B	16					HP,ĐK
28	000654	0901030708	Đặng Thị	Trang	02/08/2003	QM9B	16		19	49	Trang	
29	000655	0901010796	Đỗ Thị Huyền	Trang	13/10/2003	QM9B	16		25	62	Trang	
30	000656	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	16		19	60	Trang	
31	000657	0901030730	Phan Thị Thu	Trang	14/09/2003	QM9B	16					HP

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 0

Ngày 28 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần T. Kỳ Lam

Hoàng T. H. Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	0901060872	Nguyễn Công Kỳ Anh	20/09/2003	KA9A	17		22	101	Anh	
2	000034	0901020572	Phạm Thị Vân Anh	22/08/2003	KA9A	17		14	95	Anh	
3	000035	0901020238	Trần Thị Báu	03/12/2003	KA9A	17		20	91	Báu	
4	000036	0901060179	Hà Minh Chi	24/06/2003	KA9A	17		17	71	Chi	
5	000037	0901060664	Phạm Thị Chinh	05/05/2003	KA9A	17		24	103	Chinh	
6	000038	0901020441	Lê Thị Chúc	24/09/2003	KA9A	17		19	105	Chúc	
7	000039	0901020060	Nguyễn Huyền Diệu	23/11/2003	KA9A	17		19	93	Diệu	
8	000040	0901010481	Trần Trung Đức	16/01/2003	KA9A	17		18	89	Đức	
9	000041	0901060557	Hoàng Hương Giang	22/03/2003	KA9A	17		22	99	Giang	
10	000042	0901060520	Bùi Bảo Hân	12/10/2003	KA9A	17		25	97	Hân	
11	000043	0901020020	Nguyễn Huy Hoàng	01/01/2003	KA9A	17		21	81	Hoàng	
12	000044	0901060667	Nguyễn Văn Hưng	14/10/2003	KA9A	17		23	77	Hưng	
13	000045	0901060943	Nguyễn Thu Hương	22/01/2003	KA9A	17		25	185	Hương	
14	000046	0901060221	Dương Thị Ngọc Huyền	31/08/2003	KA9A	17		22	104	Huyền	
15	000047	0901060348	Nguyễn Ngọc Lam	22/09/2003	KA9A	17		22,5	91	Lam	
16	000048	0901030100	Giang Thị Hồng Mai	02/06/2003	KA9A	17		20	83	Mai	
17	000049	0901060837	Nguyễn Thị Mai	23/02/2003	KA9A	17		16	79	Mai	
18	000050	0901020925	Nguyễn Trà My	12/07/2003	KA9A	17		15	77	My	
19	000051	0901060874	Trần Quỳnh Nga	09/03/2003	KA9A	17		20	75	Nga	
20	000052	0901060601	Phí Việt Nhật	14/10/2003	KA9A	17		22	102	Nhật	
21	000053	0901060451	Phạm Thị Út Nhi	02/08/2003	KA9A	17		20	99	Nhi	
22	000054	0901060723	Nguyễn Trí Phong	05/12/2003	KA9A	17		23,5	100	Phong	
23	000055	0901060525	Đỗ Phương Thảo	13/11/2003	KA9A	17		22	84	Thảo	
24	000056	0901060401	Đoàn Thị Thu Thảo	10/03/2003	KA9A	17		22,5	89	Thảo	
25	000057	0901030063	Bùi Thị Trang	26/02/2003	KA9A	17		22	87	Trang	
26	000058	0901060218	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	26/06/2003	KA9A	17		20,5	96	Trang	
27	000059	0901060575	Phạm Thu Trang	18/09/2003	KA9A	17		20	103	Trang	
28	000060	0901060550	Ngô Hồng Triệu	06/06/2003	KA9A	17		22	75	Triệu	
29	000061	0901060742	Phùng Quang Trường	02/11/2003	KA9A	17		25	75	Trường	
30	000062	0901020273	Nguyễn Tố Uyên	24/09/2003	KA9A	17		18	93	Uyên	
31	000063	0901060965	Đào Đức Việt	21/12/2002	KA9A	17		22	85	Việt	
32	000064	0901030118	Nguyễn Hồng Yến	21/11/2003	KA9A	17		21	78	Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 30 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào T. H. Lam

Ngô T. Cam Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000097	0901020276	Đỗ Quỳnh	Anh	24/06/2003	KD9B	18		18	80	Anh	
2	000098	0901020456	Đỗ Thị Phương	Anh	21/07/2003	KD9B	18		20	104	Anh	104
3	000099	0901020566	Đỗ Thị Vân	Anh	24/12/2003	KD9B	18		23	96	Anh	
4	000100	0901020001	Hoàng Thị Lan	Anh	27/04/2003	KD9B	18		22	100	Anh	
5	000101	0901020587	Lê Hải	Anh	06/06/2003	KD9B	18		20	98	Anh	
6	000102	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD9B	18		19	94	Anh	
7	000103	0901080967	Phan Phương	Anh	19/11/2003	KD9B	18		15	90	Anh	
8	000104	0901020610	Trương Thị Vân	Anh	11/04/2003	KD9B	18		20	102	Anh	
9	000105	0901030206	Vũ Minh	Anh	06/11/2003	KD9B	18		10	92	Anh	
10	000106	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD9B	18		10	82	Chi	
11	000107	0901020468	Ngô Đình	Dương	14/05/2003	KD9B	18		21	101	Dương	
12	000108	0901020672	Phạm Thị	Giang	25/08/2003	KD9B	18		20	80	Giang	
13	000109	0901020391	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/2003	KD9B	18		19	99	Hà	
14	000110	0901020569	Lưu Thanh	Hằng	22/08/2003	KD9B	18		18	74	Hằng	
15	000111	0901020563	Vũ Thị Bích	Hào	01/01/2003	KD9B	18		19	76	Hào	
16	000112	0901020564	Vũ Thị Minh	Hiền	01/01/2003	KD9B	18		17	98	Hiền	
17	000113	0901020510	Nguyễn Quỳnh	Hoa	16/12/2003	KD9B	18		24	94	Hoa	
18	000114	0901020501	Nguyễn Thu	Huệ	08/11/2003	KD9B	18		24	105	Huệ	
19	000115	0901020053	Vũ Thị	Huyền	28/01/1998	KD9B	18		20	71	Huyền	
20	000116	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B	18		14	82	Lan	
21	000117	0710111627	Nguyễn Giang	Sơn	15/11/1998	TC7A	18		20	80	Sơn	
22	000118	0901020050	Lê Phương	Linh	27/12/2003	KD9B	19		22	97	Linh	
23	000119	0901020858	Cù Thị Phương	Ly	11/06/2003	KD9B	19		22	104	Ly	
24	000120	0901020741	Nguyễn Thị	Mai	12/07/2003	KD9B	19		21	93	Mai	
25	000121	0901020024	Vũ Nhật	Minh	13/07/2003	KD9B	19		22	95	Minh	
26	000122	0901020215	Đỗ Trà	My	01/06/2003	KD9B	19		20	87	My	
27	000123	0901020608	Vũ Thị Kim	Ngân	08/05/2003	KD9B	19		20	85	Ngân	
28	000124	0901020317	Lê Thị	Ngọc	28/08/2003	KD9B	19		19	85	Ngọc	
29	000125	0901010236	Đinh Thị Thùy	Nhung	22/01/2003	KD9B	19		10	103	Nhung	
30	000126	0901020352	Đỗ Thị Lan	Phương	20/12/2003	KD9B	19		19	89	Phương	
31	000127	0901020798	Nguyễn Quang	Quý	26/01/2003	KD9B	19		19	71	Quý	
32	000128	0901020019	Nguyễn Văn	Thành	20/08/2002	KD9B	19		17	94	Thành	

Tổng số sinh viên dự thi: 32...

Tổng số tờ giấy thi: 32...

Tổng số biên bản: 32...

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)

(Signature)



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000160	0901020688	Đỗ Phương	Thảo	08/10/2003	KD9B	19		18	104	Thảo	
2	000161	0901030814	Nguyễn Thu	Thảo	11/02/2003	KD9B	19		20	86	Thảo	
3	000162	0901020052	Phạm Lê Thanh	Thảo	21/08/2003	KD9B	19		20	105	Phan	
4	000163	0901010804	Ngô Thị	Thủy	25/02/2003	KD9B	19		13	88	Thủy	
5	000164	0901020606	Lưu Thị Kiều	Trang	21/11/2003	KD9B	19		17	96	Trang	
6	000165	0901020250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/08/2003	KD9B	19		13	102	Trang	
7	000166	0901020480	Thạch Thị Kiều	Trang	18/09/2003	KD9B	19		10	92	Thạch	
8	000167	0901020769	Trần Thị Lan	Trình	04/08/2003	KD9B	19		21	98	Trình	
9	000168	0901020607	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	21/12/2002	KD9B	19		08	100	Tuyết	
10	000169	0901020081	Ngô Thị	Vân	20/10/2003	KD9B	19		17	90	Vân	
11	000170	0901030040	Phạm Hải	Yến	06/05/2003	KD9B	19		12	94	Yến	
12	000171	0901020531	Lê Ngọc	Anh	30/09/2003	KD9C	20		21	84	Anh	
13	000172	0901020229	Nguyễn Phương	Anh	02/09/2003	KD9C	20		15	82	Anh	
14	000173	0901020231	Nguyễn Phương	Anh	29/12/2003	KD9C	20		17	80	Anh	
15	000174	0901020429	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/03/2003	KD9C	20		21	78	Anh	
16	000175	0901020855	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/11/2003	KD9C	20		05	76	Anh	
17	000176	0901020251	Chu Thị Ngọc	Ánh	23/08/2003	KD9C	20		11	74	Anh	
18	000177	0901020839	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	27/10/2003	KD9C	20		05	72	Chi	
19	000178	0901020193	Nguyễn Minh	Đức	09/02/2003	KD9C	20		14	103	Đức	
20	000179	0901020548	Nguyễn Tiến	Dũng	01/10/2003	KD9C	20		22	101	Dũng	
21	000180	0901020623	Nguyễn Thùy	Dương	01/04/2003	KD9C	20		14	99	Dương	
22	000181	0901020045	Nguyễn Thị Hà	Giang	10/03/2003	KD9C	20		23	91	Giang	
23	000182	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	20		15	97	Hà	
24	000183	0901020374	Nguyễn Minh	Hằng	04/11/2003	KD9C	20					HP
25	000184	0901020035	Vũ Thúy	Hiền	23/10/2003	KD9C	20		08	95	Hiền	
26	000185	0901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	20		08	93	Hoa	
27	000186	0901020638	Khuất Duy	Hung	13/12/2003	KD9C	20		23	89	Hung	
28	000187	0901020357	Phan Thị Quỳnh	Hương	21/11/2003	KD9C	20		23	87	Hương	
29	000188	0901020172	Vũ Thanh	Hương	09/07/1997	KD9C	20					HP
30	000189	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	20		22	85	Huy	
31	000190	0901020811	Nguyễn Thị	Linh	20/02/2003	KD9C	20		08	83	Linh	
32	000191	0901010097	Ngô Diệu	Linh	06/12/2003	KD9C	20		16	81	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 30 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

N.T. Yên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000223	0901020726	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/03/2003	KD9C	20		21		Linh	
2	000224	0901020516	Phạm Thị Hiền Lương	25/08/2003	KD9C	20		9		Lương	
3	000225	0901020368	Nguyễn Thị Hồng Mai	11/08/2003	KD9C	20		10		Mai	
4	000226	0901020448	Nguyễn Thị Mùi	28/12/2003	KD9C	20		19		Mùi	
5	000227	0901020625	Hà Kim Ngân	08/04/2003	KD9C	21		22		Ngân	
6	000228	0901030105	Bùi Minh Nghĩa	23/12/2003	KD9C	21		15		Nghĩa	
7	000229	0901020201	Nguyễn Hồng Ngọc	02/02/2003	KD9C	21		13		Ngọc	
8	000230	0901020319	Phạm Hồng Nhung	09/01/2003	KD9C	21		8		Nhung	
9	000231	0901020655	Hà Thu Phương	17/12/2003	KD9C	21		20		Phương	
10	000232	0901020576	Nguyễn Thị Minh Phương	12/05/2003	KD9C	21		22		Phương	
11	000233	0901020696	Vũ Mai Phương	14/06/2003	KD9C	21		19		Phương	
12	000234	0901020758	Nguyễn Thị Quý	28/07/2003	KD9C	21		18		Quý	
13	000235	0901020298	Nguyễn Bùi Trúc Quỳnh	03/12/2003	KD9C	21		13		Quỳnh	
14	000236	0901020476	Nguyễn Thị Thanh Tâm	26/10/2003	KD9C	21		22		Tâm	
15	000237	0901020187	Phạm Phương Thảo	26/12/2003	KD9C	21		24		Thảo	
16	000238	0901020779	Lê Thị Huyền Trang	21/03/2003	KD9C	21		18		Trang	
17	000239	0901020311	Lê Thị Quỳnh Trang	05/06/2003	KD9C	21		8		Trang	
18	000240	0901020559	Trần Quỳnh Trang	23/01/2003	KD9C	21		23		Trang	
19	000241	0901020086	Trần Thị Huyền Trang	17/11/2003	KD9C	21		9		Trang	
20	000242	0901020381	Lê Thanh Trúc	17/06/2003	KD9C	21		15		Trúc	
21	000243	0901020168	Trần Khánh Vân	02/12/2003	KD9C	21		22		Vân	
22	000244	0901020847	Nguyễn Thị Xuyên	06/08/2003	KD9C	21		9		Xuyên	
23	000245	0901030044	Phạm Thị Yên	04/11/2003	KD9C	21		12		Yên	
24	000246	0901020359	Lỗ Thị Mai Anh	02/11/2003	KD9D	22		23		Anh	
25	000247	0901020906	Nguyễn Thị Lan Anh	14/07/2003	KD9D	22		20		Anh	
26	000248	0901020942	Nguyễn Thị Quế Anh	11/12/2003	KD9D	22		14		Anh	
27	000249	0901020720	Nguyễn Thị Trâm Anh	17/12/2003	KD9D	22		18		Anh	
28	000250	0901070716	Nguyễn Vũ Hà Anh	23/10/2003	KD9D	22		22		Anh	
29	000251	0901020027	Phạm Hà Lan Anh	25/12/2003	KD9D	22		16		Anh	
30	000252	0901020263	Phạm Lan Anh	01/11/2003	KD9D	22		19		Anh	
31	000253	0901020449	Đỗ Thị Ánh	11/02/2003	KD9D	22		21		Anh	
32	000254	0901020657	Phạm Linh Chi	27/12/2003	KD9D	22		22		Chi	

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 30 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tuấn
Đỗ Thị Trang

Đặng Thị Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000286	0901020593	Nguyễn Thành	Công	24/09/2003	KD9D	22		23	86	Công.	
2	000287	0901020016	Phạm Thành	Đạt	01/08/2003	KD9D	22		23	82	Đạt	
3	000288	0901020143	Nguyễn Quang	Duy	20/04/2003	KD9D	22		16	78	Duy	
4	000289	0901020643	Chu Thị Thu	Hà	21/03/2003	KD9D	22		19	74	Hà	
5	000290	0901020689	Nguyễn Thu	Hà	26/06/2003	KD9D	22		19	80	Hà	
6	000291	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	22					Vắng
7	000292	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D	22		13	101	Hiền	HP
8	000293	0901010427	Ngô Minh	Hiếu	20/10/2003	KD9D	22		19	103	Hiếu	
9	000294	0901020959	Vũ Thị Thanh	Hoa	25/01/2003	KD9D	22		22	72	Hoa	
10	000295	0901020630	Vũ Thị	Hòa	01/12/2002	KD9D	22		21	76	Hòa	
11	000296	0901020344	Nguyễn Quang	Hưng	28/09/2003	KD9D	22					HP,ĐK
12	000297	0901020628	Hoàng Thu	Hường	27/09/2003	KD9D	22		20	105	Hường	
13	000298	0901020815	Dương Minh	Huyền	01/06/2003	KD9D	22		16	85	Huyền	
14	000299	0901020619	Trần Tú	Loan	28/11/2003	KD9D	23		18	93	Loan	
15	000300	0901020162	Lê Thị Khánh	Ly	03/08/2003	KD9D	23		16	88	Ly	
16	000301	0901020668	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/10/2003	KD9D	23		21	75	Mai	
17	000302	0901020384	Dương Thị Yến	My	28/01/2003	KD9D	23		07	83	My	
18	000303	0901020694	Hoàng Khánh	Ngân	15/07/2003	KD9D	23		22	89	Ngân	
19	000304	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	23		19	89	Ngọc	
20	000305	0901020440	Lê Thị Ngọc	Như	14/07/2003	KD9D	23		19	87	Như	
21	000306	0901040934	Lê Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	KD9D	23		09	71	Oanh	
22	000307	0901020514	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/02/2003	KD9D	23		18	77	Phương	
23	000308	0901020182	Cao Thúy	Quỳnh	21/10/2002	KD9D	23		20	87	Quỳnh	
24	000309	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	23		09	94	Quỳnh	
25	000310	0901020580	Hà Thị Phương	Thảo	04/10/2002	KD9D	23		20	98	Thảo	
26	000311	0901020454	Nguyễn Thanh	Thảo	28/09/2003	KD9D	23		23	102	Thảo	
27	000312	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	23		24	91	Thảo	
28	000313	0901070083	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/08/2003	KD9D	23		18	96	Thảo	
29	000314	0901010676	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	KD9D	23		20	79	Thu	
30	000315	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	23		18	81	Thư	
31	000316	0901020422	Bùi Thị	Thương	11/12/2003	KD9D	23		23	104	Thương	

Tổng số sinh viên dự thi: 31 (29)

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hui Hiền

Lê Thị Thanh



B6

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000348	0901020521	Lê Thị Thuý	Trang	15/02/2003	KD9D	23		19	86	Trang	
2	000349	0901020378	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/2003	KD9D	23		18	104	Trang	
3	000350	0901020729	Lương Đức	Trung	07/11/2003	KD9D	23		16	102	Trung	
4	000351	0901020966	Phan Thị Tâm	Tuệ	21/03/2003	KD9D	23		18	100	Tuệ	
5	000352	0901030079	Trần Thị	Vân	01/03/2002	KD9D	23		05	98	Vân	
6	000353	0901020663	Đỗ Thị Thúy	An	22/05/2003	KD9E	24		11	94	An	
7	000354	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	24		22	88	Anh	
8	000355	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	24		05	90	Anh	
9	000356	0901020324	Phạm Ngọc	Anh	18/09/2003	KD9E	24		07	96	Anh	
10	000357	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD9E	24		12	92	Ánh	
11	000358	0901020403	Phạm Thị Ngọc	Ánh	16/08/2003	KD9E	24		05	84	Ánh	
12	000359	0901020761	Võ Thị Quỳnh	Chi	29/12/2003	KD9E	24		15	80	Chi	
13	000360	0901020728	Hà Hồng	Duyên	13/06/2003	KD9E	24		05	82	Duyên	
14	000361	0901020721	Đặng Thúy	Hà	24/04/2003	KD9E	24		20	78	Hà	
15	000362	0901020627	Hoàng Hải	Hà	28/11/2003	KD9E	24		24	76	Hà	
16	000363	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	24		23	72	Hà	
17	000364	0901020739	Nguyễn Thị Vân	Hằng	03/01/2003	KD9E	24		23	71	Hằng	
18	000365	0901020503	Đỗ Thị	Hoa	07/03/2003	KD9E	24		05	74	Hoa	
19	000366	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	24		08	101	Hoài	
20	000367	0901020488	Nguyễn Thanh	Hoài	13/06/2003	KD9E	24		23	103	Hoài	
21	000368	0901020968	Trần Mạnh	Hùng	13/09/2003	KD9E	24		09	105	Hùng	
22	000369	0901020487	Phùng	Hùng	06/12/2003	KD9E	24		17	95	Hùng	
23	000370	0901020620	Phạm Thị Lan	Hương	02/07/2003	KD9E	24					HP
24	000371	0901020241	Trần Thị Việt	Hường	08/10/2003	KD9E	24		07	99	Hường	
25	000372	0901020886	Lê Ngọc	Huyền	22/08/2003	KD9E	24		05	97	Huyền	
26	000373	0901020821	Nguyễn Thị Mai	Liên	11/10/2003	KD9E	24		15	93	Liên	
27	000374	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E	24					HP
28	000375	0901060455	Vũ Thị Kim	Loan	31/03/2003	KD9E	24		07	91	Loan	
29	000376	0901020392	Nguyễn Thị	Ly	09/12/2003	KD9E	24					HP
30	000377	0901020690	Phạm Thị	Mai	24/05/2003	KD9E	25		23	89	Mai	
31	000378	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	25		20	83	Mai	

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 0

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Mai Hà

Hồ Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000410	0901030624	Quách Thị	My	06/06/2003	KD9E	25		22	82	My	
2	000411	0901020670	Nguyễn Thị Thu	Ngân	29/01/2003	KD9E	25		20	72	Ngân	
3	000412	0901020106	Trần Hải	Ngọc	10/08/2002	KD9E	25		19	92	Ngọc	
4	000413	0901020853	Lục Ái	Như	10/06/2003	KD9E	25		18	76	Miêu	
5	000414	0901030178	Trần Hồng	Nhung	17/12/2003	KD9E	25		10	80	Nhung	
6	000415	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	25		10	74	Ninh	
7	000416	0901020499	Nguyễn Minh	Phuong	12/08/2003	KD9E	25		05	90	Phu	
8	000417	0901020290	Nguyễn Thị Thúy	Phuong	27/12/2003	KD9E	25		20	78	Phuong	
9	000418	0901020316	Nguyễn Minh	Quân	23/09/2003	KD9E	25		10	94	Quân	
10	000419	0901020834	Chu Trần Hương	Quỳnh	18/09/2003	KD9E	25		15	96	Quỳnh	
11	000420	0901020379	Đào Phương	Thảo	17/11/2003	KD9E	25		08	85	Ngọc Thảo	
12	000421	0901020191	Lê Phương	Thảo	18/05/2003	KD9E	25		15	103	Thảo	
13	000422	0901020437	Tô Phương	Thảo	14/04/2003	KD9E	25		18	102	Thảo	
14	000423	0901020084	Nguyễn Thị Thanh	Thư	06/02/2003	KD9E	25		17	100	Thư	
15	000424	0901030252	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Thư	11/05/2003	KD9E	25		17	82	Thư	
16	000425	0901020529	Nguyễn Phương	Thúy	18/03/2003	KD9E	25		20	104	Thúy	
17	000426	0901020574	Đào Thu	Trang	13/10/2003	KD9E	25		21	98	Trang	
18	000427	0901020746	Lê Thị Huyền	Trang	15/09/2003	KD9E	25			98		Vết
19	000428	0901020271	Lê Thùy	Trang	16/05/2003	KD9E	25		20	93	Trang	
20	000429	0901020929	Nguyễn Thị	Trang	04/06/2003	KD9E	25		10	72	Trang	
21	000430	0901020747	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/03/2003	KD9E	25					Vết
22	000431	0901020482	Trần Thị Thùy	Trang	28/02/2003	KD9E	25		20	92	Trang	
23	000432	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	25		17	91	Trung	
24	000433	0901040292	Đinh Văn	Tú	23/03/2003	KD9E	25		14	89	Tú	
25	000434	0901020202	Đào Ngọc	Anh	09/10/2003	KD9G	26		22	75	Anh	
26	000435	0901020674	Nguyễn Hà	Anh	27/11/2003	KD9G	26		24	76	Anh	
27	000436	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	26		05	77	Anh	
28	000437	0901020636	Phạm Phương	Anh	07/09/2003	KD9G	26		20	97	Anh	
29	000438	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	26		23	98	Bình	
30	000439	0901020687	Nguyễn Phương	Chinh	14/10/2003	KD9G	26		20	84	Chinh	
31	000440	0901020393	Vũ Đỗ Hồng	Diệp	29/11/2003	KD9G	26		18	95	Diệp	

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 29...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 30. tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thảo

Hoàng Thị Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000472	0901020308	Hoàng Bích	Duyên	21/05/2003	KD9G	26		5	96	Duyên	
2	000473	0901020554	Đỗ Thị Thu	Hà	25/06/2003	KD9G	26		16	84	Hà	
3	000474	0901020757	Nguyễn Thu	Hằng	09/08/2003	KD9G	26		8	86	Hằng	
4	000475	0901020038	Lưu Thị Thu	Hạnh	13/03/2003	KD9G	26		17	80	Hạnh	
5	000476	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD9G	26					HP
6	000477	0901020588	Phạm Thị Thu	Hoài	12/06/2003	KD9G	26		20	82	Hoài	
7	000478	0901020300	Giáp Thị Thu	Hương	14/04/2000	KD9G	26		10	92	Hương	
8	000479	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	26		18	102	Hương	
9	000480	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	26		7	102	Huyền	
10	000481	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	26		7	94	Khanh	
11	000482	0901020860	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/01/2003	KD9G	26		19	100	Lan	
12	000483	0901020831	Phạm Thị	Liên	09/09/2003	KD9G	26		10	90	Liên	
13	000484	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	26		8	92	Linh	
14	000485	0901020598	Nguyễn Hải	Ly	25/11/2003	KD9G	27		8	88	Ly	
15	000486	0901030057	Lưu Quang	Minh	29/07/2003	KD9G	27		5	72	Minh	
16	000487	0901020778	Lý Thị	Mỹ	22/02/2003	KD9G	27		18	78	Mỹ	
17	000488	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	27					DK
18	000489	0901030813	Bùi Thị Tuyết	Nhi	12/01/2003	KD9G	27		18	104	Nhi	
19	000490	0901020597	Nguyễn Hải	Phương	11/09/2003	KD9G	27		19	105	Phương	
20	000491	0901020824	Nguyễn Thu	Phương	26/08/2003	KD9G	27		15	71	Phương	
21	000492	0901020869	Dương Tuyết	Quỳnh	24/04/2003	KD9G	27		19	73	Quỳnh	
22	000493	0901020071	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	04/10/2003	KD9G	27		11	76	Quỳnh	
23	000494	0901010616	Trần Thị Như	Quỳnh	10/09/2003	KD9G	27		16	74	Quỳnh	
24	000495	0901020421	Đào Mạnh	Son	02/11/2003	KD9G	27		92	101	Son	
25	000496	0901020649	Lương Thị Phương	Thảo	06/04/2003	KD9G	27		20	103	Thảo	
26	000497	0901020578	Trần Hương	Thảo	14/01/2003	KD9G	27		22	99	Thảo	
27	000498	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	27		8	83	Toàn	
28	000499	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	27		20	95	Trang	
29	000500	0901020065	Nguyễn Kiều	Trang	26/01/2003	KD9G	27					HP, DK
30	000501	0901020330	Trương Hồ Huyền	Trang	22/09/2001	KD9G	27		19	91	Trang	
31	000502	0901020963	Đinh Thanh	Tú	29/05/2003	KD9G	27		22	97	Tú	

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 0

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hoàng

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000534	0901020051	Nguyễn Văn Tú	02/12/2003	KD9G	27		16	140	Tú	
2	000535	0901020617	Lê Phan Phương Uyên	01/09/2003	KD9G	27		25	107	Uyên	
3	000536	0901020749	Trần Thảo Vân	01/08/2003	KD9G	27		21	138	Vân	
4	000537	0901020087	Đỗ Phương Anh	02/01/2003	KD9H	28		10	132	Anh	
5	000538	0901020167	Nguyễn Lan Anh	08/11/2003	KD9H	28		20	136	Anh	
6	000539	0901040693	Nguyễn Thị Lan Anh	09/06/2003	KD9H	28		18	128	Anh	
7	000540	0901010029	Vũ Thị Kim Cúc	18/12/2003	KD9H	28		17	126	Cúc	
8	000541	0901020541	Nguyễn Ngọc Diễm	24/10/2003	KD9H	28		21	134	Diễm	
9	000542	0901020800	Nguyễn Thị Thu Duyên	24/01/2003	KD9H	28		20	130	Duyên	
10	000543	0901020140	Đào Thị Hương Giang	13/09/2003	KD9H	28					HP
11	000544	0901020626	Lê Thị Hà	29/11/2003	KD9H	28		23	124	Hà	
12	000545	0901020940	Phạm Minh Hằng	13/03/2003	KD9H	28		22	122	Hằng	
13	000546	0901020342	Phạm Thu Hằng	03/11/2003	KD9H	28		20	120	Hằng	
14	000547	0901020637	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/07/2003	KD9H	28		20	118	Hồng Hạnh	
15	000548	0901020939	Nguyễn Thị Thảo Hiền	11/10/2003	KD9H	28		22	116	Hiền	
16	000549	0901020145	Nguyễn Thị Minh Hiếu	16/12/2003	KD9H	28		20	114	Hiếu	
17	000550	0901020026	Phạm Thị Mai Hoa	25/09/2003	KD9H	28		19	110	Hoa	
18	000551	0901020453	Nguyễn Thị Thu Hoàn	25/10/2003	KD9H	28		21	112	Hoàn	
19	000552	0901020532	Ngô Mai Hương	10/11/2003	KD9H	28		23	107	Hương	
20	000553	0901020542	Lê Thị Khánh Huyền	22/11/2003	KD9H	28		19	108	Huyền	
21	000554	0901020199	Đỗ Xuân Huỷnh	20/10/2003	KD9H	28		18	106	Huỷnh	
22	000555	0901020633	Đỗ Lê Khánh	23/12/2003	KD9H	28		20	130	Khánh	
23	000556	0901020891	Nguyễn Ngọc Lan	20/11/2003	KD9H	28		22	139	Lan	
24	000557	0901020258	Chu Thị Thùy Linh	06/02/2003	KD9H	28		18	137	Linh	
25	000558	0901020095	Huỳnh Diệu Linh	07/11/2003	KD9H	28		23	135	Linh	
26	000559	0901020313	Phạm Hải Lý	26/02/2002	KD9H	29		22	131	Lý	
27	000560	0901020078	Nguyễn Nhật Minh	05/10/2002	KD9H	29		13	153	Minh	
28	000561	0901020782	Lê Đức Nam	17/08/2003	KD9H	29		22	127	Nam	
29	000562	0901020321	Phạm Thị Kim Ngân	02/10/2003	KD9H	29		20	129	Ngân	
30	000563	0901020472	Hà Kiều Nhi	05/09/2003	KD9H	29		21	125	Nhi	
31	000564	0901030581	Phạm Hồng Phương	03/12/2003	KD9H	29		20	108	Phương	

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 30 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

AT: Lê Văn Lâm

Nhà T. Cẩm Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000596	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	29		18	126	Phương	
2	000597	0901020397	Phạm Thị	Phượng	21/02/2003	KD9H	29		19	130	Phượng	
3	000598	0901020469	Nguyễn Như	Quỳnh	03/08/2003	KD9H	29		23	132	Quỳnh	
4	000599	0901020793	Phan Thị	Thắm	16/07/2003	KD9H	29		17	140	Thắm	
5	000600	0901010755	Bùi Thị	Thảo	21/01/2003	KD9H	29		20	125	Thảo	
6	000601	0901020353	Đỗ Thị	Thảo	23/02/2003	KD9H	29		10	131	Thảo	
7	000602	0901020157	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	22/08/2003	KD9H	29		10	132	Thảo	
8	000603	0901020565	Vũ Phương	Thảo	24/03/2003	KD9H	29		22	136	Thảo	
9	000604	0901020320	Phạm Thanh	Thư	09/05/2003	KD9H	29					HP,ĐK
10	000605	0901020155	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/2003	KD9H	29		21	120	Trang	
11	000606	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	29		21	118	Trang	
12	000607	0901020773	Trần Anh	Tuấn	08/10/2003	KD9H	29		14	138	Tuấn	
13	000608	0901020234	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/2003	KD9H	29		12	124	Uyên	
14	000609	0901060463	Phạm Thị	Uyên	04/04/2003	KD9H	29		20	130	Uyên	
15	000610	0901030549	Đỗ Thị	Vui	26/02/2003	KD9H	29		24	110	Vui	
16	000611	0901060388	Nguyễn Minh	Anh	30/06/2003	KD9K	30		16	106	Anh	
17	000612	0901020426	Quản Thị Vân	Anh	26/11/2003	KD9K	30		20	114	Anh	
18	000613	0901020801	Phạm Thị	Châm	11/03/2003	KD9K	30		15	122	Châm	
19	000614	0901060257	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	22/03/2003	KD9K	30		18	134	Chinh	
20	000615	0901020333	Hà Thủy	Diệp	06/05/2003	KD9K	30		17	132	Diệp	
21	000616	0901020445	Lê Thủy	Dung	13/04/2003	KD9K	30		21	112	Dung	
22	000617	0901010994	Đỗ Hữu	Dũng	15/07/2001	KD9K	30					HP,ĐK
23	000618	0901020774	Hoàng Thị Thùy	Dương	09/10/2003	KD9K	30		20	135	Dương	
24	000619	0901020551	Hoàng Hương	Giang	21/09/2003	KD9K	30		21	124	Giang	
25	000620	0901020346	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/12/2003	KD9K	30		24	126	Giang	
26	000621	0901020845	Nguyễn Thu	Giang	25/02/2003	KD9K	30		23	120	Giang	
27	000622	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	KD9K	30		18	116	Hào	
28	000623	0901020642	Đinh Thị	Hậu	04/10/2003	KD9K	30		22	133	Hậu	
29	000624	0901020232	Trịnh Minh	Hiếu	15/12/2003	KD9K	30		17	106	Hiếu	
30	000625	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	30		19	118	Huy	
31	000626	0901020513	Nguyễn Thanh	Hương	21/08/2003	KD9K	30		23	131	Hương	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 2

Ngày 10 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đinh Thị Luyện

Nguyễn Thị Hương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000658	0901020751	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/02/2003	KD9K	30		22	119	Huyền	
2	000659	0901020407	Lê Kim	Khánh	04/10/2003	KD9K	30		21	127	Khánh	
3	000660	0901020242	Bùi Thị	Linh	01/12/2003	KD9K	30		17	133	Linh	
4	000661	0901020260	Đỗ Thùy	Linh	27/07/2003	KD9K	30		21	139	Linh	
5	000662	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K	31		18	135	Linh	
6	000663	0901020613	Nguyễn Thanh	Loan	31/12/2003	KD9K	31		24	131	Loan	
7	000664	0901020980	Hoàng Văn	Minh	04/09/2002	KD9K	31		20	123	Minh	
8	000665	0901020622	Nguyễn Thị Phương	Minh	04/11/2003	KD9K	31		21	129	Minh	
9	000666	0901020277	Bùi Thị	Nga	09/09/2002	KD9K	31		18	121	Nga	
10	000667	0901020615	Vương Hồng Thủy	Ngân	12/04/2003	KD9K	31		20	127	Ngân	
11	000668	0901010210	Lê Nguyễn Phương	Nhi	17/12/2003	KD9K	31		19	125	Nhi	
12	000669	0901020109	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/07/2003	KD9K	31		20	117	Nhung	
13	000670	0901020438	Lê Tấn	Phát	01/01/2003	KD9K	31		23	113	Phát	
14	000671	0901020791	Nguyễn Phương	Quỳnh	29/07/2003	KD9K	31		18	111	Quỳnh	
15	000672	0901020066	Đặng Hồng	Thắm	04/03/2003	KD9K	31		16	107	Thắm	
16	000673	0901020505	Nguyễn Phương	Thảo	18/04/2003	KD9K	31		23	115	Thảo	
17	000674	0901020126	Trần Thị Minh	Thư	05/01/2003	KD9K	31		18	140	Thư	
18	000675	0901020921	Cáp Thị Thanh	Tiếp	12/02/2003	KD9K	31		24	112	Tiếp	
19	000676	0901030851	Bùi Thị	Trang	13/12/2002	KD9K	31		18	114	Trang	
20	000677	0901020382	Đỗ Thu	Trang	04/03/2003	KD9K	31		17	116	Trang	
21	000678	0901020714	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/05/2003	KD9K	31		15	126	Trang	
22	000679	0901010042	Vũ Huyền	Trang	14/12/2003	KD9K	31		23	109	Trang	
23	000680	0901020112	Lê Việt	Trình	28/08/2001	KD9K	31		23	128	Trình	
24	000681	0901020898	Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	30/12/2003	KD9K	31		22	138	Tùng	
25	000682	0901020680	Trần Duy	Tùng	12/07/2003	KD9K	31		23	129	Tùng	
26	000683	0901020496	Nguyễn Thị	Xuân	23/04/2003	KD9K	31		17	136	Xuân	
27	000684	0901020297	Hà Phương	Anh	21/02/2003	KD9M	32		15	134	Anh	
28	000685	0901020288	Nguyễn Ngọc	Anh	09/06/2003	KD9M	32		18	132	Anh	
29	000686	0901020844	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/10/2003	KD9M	32		17	127	Anh	
30	000687	0901020049	Trần Mỹ	Anh	27/04/2003	KD9M	32		13	108	Anh	
31	000688	0901020474	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	07/07/2003	KD9M	32		19	110	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 30/31

Tổng số tờ giấy thi: 30/31

Tổng số biên bản: 0/...

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Văn

Minh Thị Yên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000689	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	32		16		Chi	
2	000690	0901030326	Phạm Thị	Doanh	07/07/2003	KD9M	32		12		Doanh	
3	000691	0901020075	Lê Thị Thùy	Dương	18/06/2003	KD9M	32		17		Dương	
4	000692	0901020310	Chu Thị	Hải	15/11/2003	KD9M	32		8		Hải	
5	000693	0901020543	Đào Thu	Hiền	27/01/2003	KD9M	32		17		Hiền	
6	000694	0901020930	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/12/2003	KD9M	32		19		Hiền	
7	000695	0901010685	Bùi Tuyết	Hoa	31/07/2003	KD9M	32		19		Hoa	
8	000696	0901020890	Lê Thị Hồng	Hoa	24/05/2003	KD9M	32		12		Hoa	
9	000697	0901020443	Trần Thanh	Hoàng	21/02/2003	KD9M	32		23		Hoàng	
10	000698	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	32		16		Hồng	
11	000699	0901020484	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	06/09/2003	KD9M	32		15		Hương	
12	000700	0901020654	Nguyễn Thu	Huyền	06/02/2003	KD9M	32		18		Huyền	
13	000701	0901020272	Trần Hoàng	Khánh	03/10/2003	KD9M	32		9		Khánh	
14	000702	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	32		13		Linh	
15	000703	0901020861	Nguyễn Thị	Linh	04/07/2003	KD9M	32		13		Linh	
16	000704	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	32		13		Lộc	
17	000705	0901030080	Đoàn Thị Ngọc	Mai	15/12/2003	KD9M	32		16		Mai	
18	000706	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	33		17		Minh	
19	000707	0901020658	Nguyễn Trọng	Minh	12/07/2003	KD9M	33		17		Minh	
20	000708	0901020842	Ngô Thị Phương	Nga	31/03/2003	KD9M	33		13		Nga	
21	000709	0901020114	Trần Thị Kim	Nghĩa	11/04/2003	KD9M	33		10		Nghĩa	
22	000710	0901020671	Chu Thị Hồng	Nhung	07/12/2003	KD9M	33		23		Nhung	
23	000711	0901060567	Lê Hồng	Phong	13/07/2003	KD9M	33		10		Phong	
24	000712	0901020790	Vũ Mai	Phương	24/06/2003	KD9M	33		23		Phương	
25	000713	0901020467	Hoàng Thị Tâm	Thanh	20/12/2003	KD9M	33		21		Thanh	
26	000714	0901020828	Đoàn Hương	Thảo	01/06/2003	KD9M	33		22		Thảo	
27	000715	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	33		14		Thảo	
28	000716	0901020827	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/2003	KD9M	33		23		Ng. Thảo	
29	000717	0901020136	Ngô Xuân	Thức	07/03/2003	KD9M	33		20		Thức	
30	000718	0901020893	Đoàn Lãnh	Thúy	26/08/2003	KD9M	33		24		Thúy	
31	000719	0901020486	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/12/2003	KD9M	33		23		Trâm	

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 30 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thu Trang

Đặng Thị Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000720	0901030684	Đỗ Thu	Trang	25/03/2003	KD9M	33		23	120	Trang	
2	000721	0901020329	Nguyễn Thùy	Trang	28/05/2003	KD9M	33		23	122	Trang	
3	000722	0901020303	Phan Thị Huyền	Trang	04/10/2003	KD9M	33		24	136	Trang	
4	000723	0901020383	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12/02/2003	KD9M	33		18	124	Tú	
5	000724	0901020743	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/03/2003	KD9M	33		18	140	Tuyết	
6	000725	0901020268	Đặng Thanh	Vân	16/12/2003	KD9M	33		20	126	Vân	
7	000726	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	33		21	118	Vũ	
8	000727	0901020318	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	19/09/2003	KD9M	33		20	134	Xuân	
9	000728	0901020936	Phạm Lê Nhật	An	30/10/2003	KD9N	34		09	112	An	
10	000729	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	34					Vắng
11	000730	0901030135	Lã Hải	Anh	24/09/2003	KD9N	34					HP,ĐK
12	000731	0901020034	Nguyễn Thị Phương	Anh	07/07/2003	KD9N	34		05	119	Anh	
13	000732	0901020792	Trương Tuấn	Anh	11/05/2003	KD9N	34					HP,ĐK
14	000733	0901020927	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/04/2003	KD9N	34		10	133	Ánh	
15	000734	0901020785	Nguyễn Linh	Chi	26/08/2003	KD9N	34		23	135	Chi	
16	000735	0901020585	Nguyễn Thanh	Chúc	17/04/2003	KD9N	34					Vắng
17	000736	0901030244	Nguyễn Thị	Diễm	27/12/2003	KD9N	34		10	126	Diễm	
18	000737	0901020152	Nguyễn Ngọc	Dung	03/12/2003	KD9N	34		24	136	Dung	
19	000738	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	34		09	138	Mai	
20	000739	0901020446	Nguyễn Thị Hương	Giang	07/11/2003	KD9N	34		21	138	Giang	
21	000740	0901020335	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	04/11/2003	KD9N	34		08	108	Hà	
22	000741	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hào	26/09/2003	KD9N	34		19	116	Hào	
23	000742	0901020142	Lê Thị Thúy	Hiền	13/02/2003	KD9N	34		20	128	Hiền	
24	000743	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD9N	34		24	130	Hiếu	
25	000744	0901020411	Hoàng Thị	Huệ	05/04/2003	KD9N	34		18	132	Huệ	
26	000745	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	34		03	114	Hương	
27	000746	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	34		05	137	Huyền	
28	000747	0901020750	Lê Thị Hương	Lan	21/04/2003	KD9N	34		07	130	Lan	
29	000748	0901010327	Nguyễn Thị	Liên	06/11/2003	KD9N	34					HP,ĐK
30	000749	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	34		24	132	Linh	
31	000750	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	34		14	131	Luyến	

Tổng số sinh viên dự thi: 26..

Tổng số tờ giấy thi: 26...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 20 tháng 12 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Hiền

Lê Thị Thảo



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000751	0901020192	Đỗ Ngọc	Mai	21/10/2003	KD9N	35		20	140	Mai	
2	000752	0901020701	Trịnh Thị Ngọc	Minh	19/11/2003	KD9N	35		10	138	Minh	
3	000753	0901030225	Đinh Thị	Mỹ	01/07/2003	KD9N	35		09	153	Mỹ	
4	000754	0901030226	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	01/04/2003	KD9N	35		19	136	Nga	
5	000755	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N	35		17	124	Ngọc	
6	000756	0901020170	Đào Hồng	Nhung	12/01/2003	KD9N	35		20	110	Nhung	
7	000757	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	35		05	112	Oanh	
8	000758	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	35		20	110	Phúc	
9	000759	0901020209	Vương Thị	Phương	18/10/2003	KD9N	35		05	139	Phương	
10	000760	0901020830	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	02/09/2003	KD9N	35		không	138	Quỳnh	
11	000761	0901020641	Đặng Thị	Thanh	16/02/2003	KD9N	35		21	116	Thanh	
12	000762	0901020979	Chu Phương	Thảo	20/06/2003	KD9N	35		05	126	Thảo	
13	000763	0901030074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/2003	KD9N	35		05	132	Thảo	
14	000764	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD9N	35		20	128	Thảo	
15	000765	0901020367	Nguyễn Thị	Thơ	30/09/2003	KD9N	35		05	133	Thơ	
16	000766	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	35		15	135	Thơ	
17	000767	0901020645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/05/2003	KD9N	35		10	106	Thương	
18	000768	0901020315	Hoàng Thị Thủy	Tiên	27/10/2002	KD9N	35		08	139	Tiên	
19	000769	0901020494	Hoàng Thanh	Trà	02/07/2003	KD9N	35		15	129	Trà	
20	000770	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	35		10	138	Trang	
21	000771	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	35		05	108	Trang	
22	000772	0901020030	Nguyễn Thùy	Trang	17/12/2003	KD9N	35		05	135	Trang	
23	000773	0901020933	Bành Thanh	Tú	18/02/2003	KD9N	35		22	140	Tú	
24	000774	0901020591	Hoàng Hải	Vân	04/09/2003	KD9N	35		17	109	Vân	
25	000775	0901030243	Lê Hồng	Vân	13/09/2003	KD9N	35		09	122	Vân	
26	000776	0901020705	Nguyễn Hải	Yến	08/12/2003	KD9N	35		15	121	Yến	
27	000777	0901080439	Vũ Trà	My	21/01/2003	TM9A	36		20	112	My	
28	000778	0901080283	Nguyễn Thanh	Nam	10/04/2003	TM9A	36		05	130	Nam	
29	000779	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	36		10	118	Ngọc	
30	000780	0901080820	Trần Thu	Nguyệt	18/12/2003	TM9A	36		10	119	Nguyệt	
31	000781	0901080969	Phạm Thanh	Nhân	01/01/2003	TM9A	36		22	120	Nhân	

Tổng số sinh viên dự thi: 31.

Tổng số tờ giấy thi: 31.

Tổng số biên bản: 0.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

L.T.N.H.

Ph. Hết thi Tam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000782	0901080091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	TM9A	36		20	136	Nhung	
2	000783	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	36		20	138	Trang	
3	000784	0901080867	Trần Thị Mai	Phuong	29/08/2003	TM9A	36		22	124	Ph	
4	000785	0901080175	Đào Nguyễn Hồng	Quân	04/12/2003	TM9A	36		23	134	Quân	
5	000786	0901080841	Tông Văn	Quốc	14/08/2003	TM9A	36		16	152	Quốc	
6	000787	0901080555	Đặng Phương	Thảo	25/01/2003	TM9A	36		23	122	Ph	
7	000788	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	36		24	118	Ph	
8	000789	0901080970	Nguyễn Mạnh	Thiện	27/06/1993	TM9A	36		23	120	Th	
9	000790	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	36		20	113	Thu	
10	000791	0901080442	Vũ Thị	Trà	14/12/2003	TM9A	36		22	141	Trà	
11	000792	0901030461	Đặng Thị	Trang	11/06/2003	TM9A	36		21	30	Trang	
12	000793	0901080450	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/05/2003	TM9A	36		20	128	Trang	
13	000794	0901080509	Nguyễn Thị Hồng	Trang	13/01/2003	TM9A	36		15	122	Trang	
14	000795	0901080431	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/08/2003	TM9A	36		20	126	Trang	
15	000796	0901080216	Lê Quang	Trường	25/08/2003	TM9A	36		21	134	Trường	
16	000797	0901080010	Lê Thị	Tuyền	18/08/2003	TM9A	36		25	135	Tuyền	
17	000798	0901080604	Đới Thị	Vân	07/02/2003	TM9A	36		19	130	Vân	
18	000799	0901080632	Phan Hà	Vy	23/09/2003	TM9A	36		20	131	Vy	
19	000800	0901080889	Nguyễn Hải	Yến	15/09/2003	TM9A	36		20	116	Yến	
20	000801	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	36		19	136	Yến	
21	000802	0901080639	Bùi Lan	Anh	15/07/2003	TM9A	37		21	124	Anh	
22	000803	0901080648	Mai Yến	Anh	11/06/2003	TM9A	37		22	106	Anh	
23	000804	0901080222	Nguyễn Hoàng	Anh	01/05/2003	TM9A	37					HP,ĐK
24	000805	0901020812	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/09/2003	TM9A	37		22	122	Tú	
25	000806	0901080709	Phạm Thị Vân	Anh	25/05/2003	TM9A	37		24	110	Vân	
26	000807	0901080876	Phùng Nguyễn Tú	Anh	27/09/2003	TM9A	37		20	112	Ph	
27	000808	0901080534	Công Phương Uyên	Chi	22/06/2003	TM9A	37		22	128	Chi	
28	000809	0901080356	Đỗ Thị	Chinh	08/02/2003	TM9A	37		20	120	Chinh	
29	000810	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	37		15	133	Cường	
30	000811	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	37		20	111	Huyền	
31	000812	0901080444	Ngô Thị	Dương	22/09/2003	TM9A	37		20	107	Dương	

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 30.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thảo

Thầy TK Cường



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000813	0901080373	Nguyễn Ánh	Dương	19/08/2003	TM9A	37		18	107	Phu	
2	000814	0901080856	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/12/2003	TM9A	37		18	140	HuHa	
3	000815	0901080517	Đào Thu	Hào	10/06/2003	TM9A	37		19	132	H	
4	000816	0901080612	Dương Thị Thúy	Hiền	28/10/2003	TM9A	37		18	138	Hiên	
5	000817	0901080343	Nguyễn Thị Phú	Hoa	13/11/2003	TM9A	37		16	109	Hoa	
6	000818	0901080948	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/07/2003	TM9A	37		17	139	Hoa	
7	000819	0901080956	Vũ Thị	Hoa	12/04/2002	TM9A	37		19	137	Hoa	
8	000820	0901080953	Trần Thị Bích	Huyền	13/12/2002	TM9A	37		15	106	Huyền	
9	000821	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	37		19	135	H	
10	000822	0901080262	Bùi Quang	Linh	21/03/2003	TM9A	37		05	154	Linh	
11	000823	0901010204	Phạm Hồng Phi	Long	13/09/2003	TM9A	37					HP,ĐK
12	000824	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM9A	37		19	111	Đ	
13	000825	0901080962	Phạm Thị Khánh	Ly	31/01/2003	TM9A	37					HP,ĐK
14	000826	0901070873	Nguyễn Trà	Mỹ	13/09/2003	TM9A	37		17	133	Mỹ	
15	000827	0901070539	Bùi Thị Phương	Dung	30/06/2003	KL9A	38		17	131	Dung	
16	000828	0901070650	Vũ Thị Thu	Hiền	01/12/2003	KL9A	38		19	129	Hiên	
17	000829	0901070462	Lê Hoàng	Linh	18/12/2003	KL9A	38		20	127	Linh	
18	000830	0901070938	Trần Thế	Son	21/01/2003	KL9A	38		18	125	Son	
19	000831	0901070139	Trần Hoàng	Anh	03/07/2003	QL9A	38		12	123	Anh	
20	000832	0901010794	Phạm Duy	Bách	09/12/2003	QL9A	38		18	119	Bách	
21	000833	0901020094	Đỗ Văn	Bình	19/10/2003	QL9A	38		17	117	Bình	
22	000834	0901040766	Hoàng Minh	Châu	15/12/2003	QL9A	38		17	121	Châu	
23	000835	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	38		22	128	Chi	
24	000836	0901070240	Nguyễn Vũ	Đức	15/12/2003	QL9A	38		14	136	Đức	
25	000837	0901080919	Đỗ Thanh Diệu	Hiền	08/12/2003	QL9A	38					HP.
26	000838	0901070609	Trần	Hoàn	09/07/2003	QL9A	38		24	124	H	
27	000839	0901070735	Trần Ngọc	Linh	14/07/2003	QL9A	38		17	126	Linh	
28	000840	0901070552	Vũ Thùy	Linh	16/09/2003	QL9A	38		14	113	Linh	
29	000841	0901080877	Phạm Thị Tố	Nga	02/10/2003	QL9A	38		17	115	Nga	
30	000842	0901020954	Lương Đức	Thao	20/11/2003	QL9A	38		10	122	Thao	
31	000843	0901070772	Đào Việt	Tuấn	10/05/2003	QL9A	38					V
32	000844	0901070788	Trương Thị	Uyên	01/05/2003	QL9A	38		22	130	Uyên	

Tổng số sinh viên dự thi: 28...

Tổng số tờ giấy thi: 28...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hoàng AL

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000522	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM9A	13		22	84		

Tổng số sinh viên dự thi: 1.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 30... tháng 12... Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Thầy
Võ Văn

Thầy
Anh Thị Luyện